TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B¶N ¸N S : 17/2022/HNG§-ST
NGµY 28 TH¸NG 4 N¨M 2022
V/V: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Hưng
2. Ông Trịnh Văn Nhất

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Trong ngày 28/4/2022, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2022/TLST–HNGĐ ngày 28/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2022,Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Hồng T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số nhà 87, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Tô Tuấn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số 5, ngõ 33, đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đào Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/02/2013 chị kết hôn với anh Tô Tuấn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lớn, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tâm sự, chia sẻ những khó khăn, vướng mắc để tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn

nhưng không cải thiện được. Gia đình hai bên đã can thiệp giảng giải cho vợ chồng hòa thuận nhưng không có kết quả. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng kết hôn 10 năm nhưng chưa có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng tồi tệ hơn. Từ giữa năm 2021 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không có ý kiến quan điểm gì.

Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2022, ông Tô Văn Song là bố đẻ anh Tô Tuấn T cung cấp: Anh Tô Tuấn T kết hôn với chị Đào Thị T năm 2013. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu tại gia đình ông ngay. Nguyên nhân chi T làm đơn yêu cầu ly hôn anh T thì ông không nắm được chỉ biết hiện chị T không còn sống chung với anh T mà về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2021 đến nay.

Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2022, chính quyền địa phương nơi anh Tô Tuấn T cư trú cung cấp: Anh Tô Tuấn T kết hôn với chị Đào Thị T năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình anh T. Hiện chị T và anh T không chung sống với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được.

Tại phiên toà ngày 21/4/2022:

Tòa án phải hoãn phiên tòa vì lý do anh Tô Tuấn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa ngày 28/4/2022:

Anh Tô Tuấn Tvắng mặt không có lý do. Chị Đào Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Đào Thị T được ly hôn anh Tô Tuấn T.

+ Về án phí:Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Chị Đào Thị T và anh Tô Tuấn T kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được UBND phường Trần Nguyên Hãn cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, chị T, trình bày do vợ chồng kết hôn được 10 năm nhưng chưa có con nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn muốn sinh sống gắn bó với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, giữa năm 2021 đến nay. Theo cung cấp của gia đình anh T và chính quyền địa phương nơi anh T cư trú thì chị T, anh T không còn chung sống với nhau.

[2.2] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T, anh T chưa có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Tô Tuấn T.

2. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0001345 ngày 24/01/2022. Xác nhận chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;.
- VKSND Tp B;.
- CCTHADS Tp B;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn, tp B;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện